

Flexible ducting

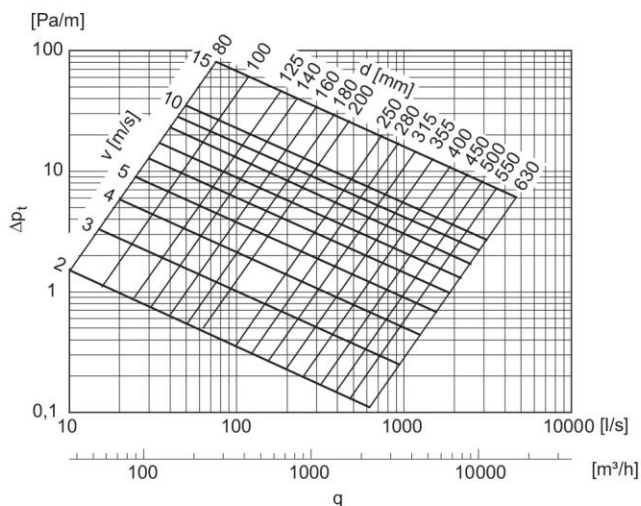


Flexible ducts and semiflexible ducts

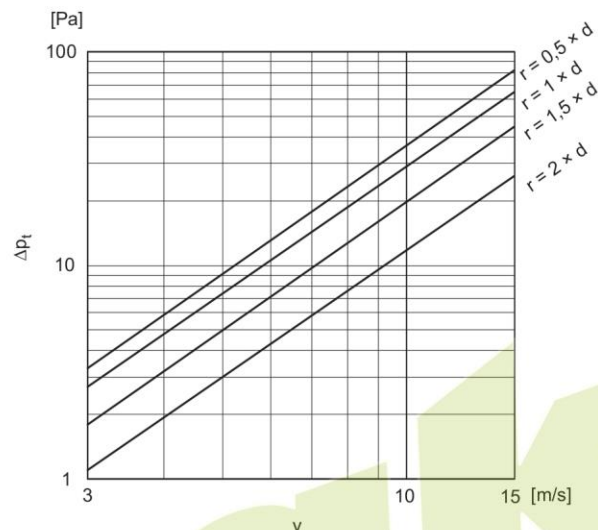
Ống gió mềm và ống nhôm nhún

Technical data / Thông số kỹ thuật

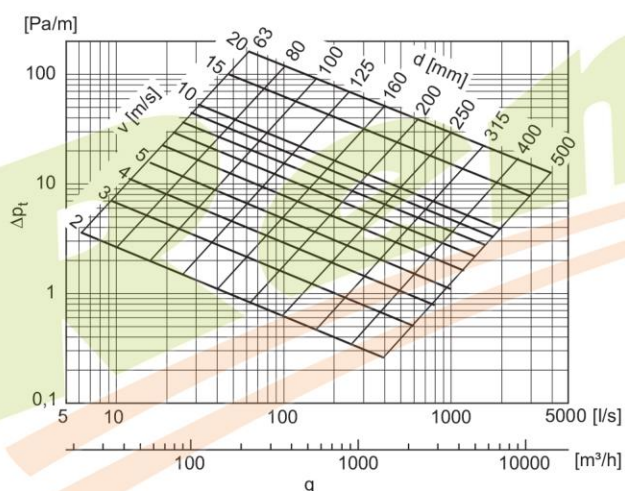
Flexible ducts / Ống gió mềm



Flexible ducts 90° bends / Ống gió mềm



Semiflexible ducts / Ống nhôm nhún



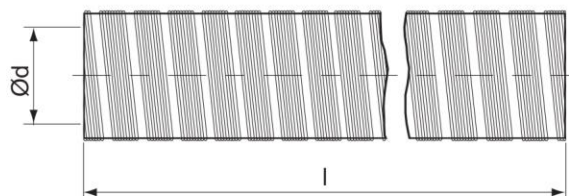
Semiflexible duct

Ống nhôm nhún

SFD1



Dimensions / Kích thước



Description / Mô tả

Single-layer duct wall / Ống nhôm nhún 1 lớp.

Advantages / Ưu điểm

Small storage and transport volume.

Kích thước nhỏ gọn, dễ vận chuyển

No toxic gases are emitted in case of fire.

Không phát ra khí độc trong trường hợp hỏa hoạn

Tested on fire resistance

Đã thử nghiệm khả năng chống cháy

Technical data / Thông số kỹ thuật

Duct material	Aluminium
Chất liệu ống	Nhôm nguyên chất
Minimum bending radius.....	1×d
Bán kính uốn tối thiểu	1×d
Maximum temperature	+200 °C
Nhiệt độ làm việc tối đa	+200 °C
Fire resistance	Not flammable in accordance with DIN 4102 class A1
Tiêu chuẩn chống cháy	Không cháy phù hợp với tiêu chuẩn DIN 4102 class A1
Standard length.....	3 m or request
Chiều dài tiêu chuẩn	3 m hoặc theo yêu cầu

Ød nom	O πd m	A πd ² /4 m ²	l mm	Thickness Chiều dày mm
80	0,251	0,005	3000	0,80
100	0,314	0,008	3000	0,80
125	0,393	0,012	3000	0,80
150	0,471	0,018	3000	1,00
200	0,628	0,031	3000	1,00
250	0,785	0,049	3000	1,00
300	0,942	0,071	3000	1,20
350	1,12	0,099	3000	1,20
400	1,26	0,126	3000	1,20

Ordering example / Đặt hàng mẫu

SFD1	100	3000	A
Product / Mã sản phẩm			
Dimension / Đường kính Ød			
Length / Chiều dài l			
Material / Chất liệu			



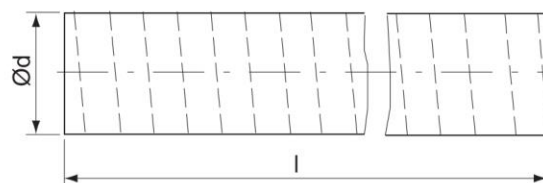
Uninsulated flexible duct

Ống gió mềm không bảo ôn 1 lớp

UFD1



Dimensions / Kích thước



Description / Mô tả

Multiple layer product made up of aluminium/PET laminate formed into a flexible duct supported by a steel coated wire helix.

Sản phẩm được sản xuất từ 1 hay nhiều lớp màng nhôm/PET hình thành ống mềm dẻo được gia cường bởi lõi thép mạ

Technical data / Thông số kỹ thuật

Duct materials Aluminium/PET laminate
 Fire retardant adhesive
 Steel coated bead wire
 Chất liệu ống Màng PET mạ nhôm
 Keo chống cháy
 Dây thép mạ kẽm

Temperature range -30 to +140°C
 Nhiệt độ làm việc -30 to +140°C

Maximum air velocity 30 m/s
 Vận tốc gió tối đa 30 m/s

Packing Nilon bag
 Đóng gói Túi nilon

Ød nom	O mm	A mm ²	l mm	Max. pressure Pa
80	0,251	0,005	8000	+2500
100	0,320	0,008	8000	+2500
125	0,399	0,013	8000	+2500
150	0,478	0,018	8000	+2500
200	0,638	0,032	8000	+2500
250	0,798	0,051	8000	+2500
300	0,990	0,078	8000	+2500
350	1,105	0,098	8000	+2500
400	1,28	0,129	8000	+2500

Ordering example / Đặt hàng mẫu

Product / Mã sản phẩm UFD 100 8000 AP
 Dimension / Đường kính Ød
 Length / Chiều dài l
 Material / Chất liệu



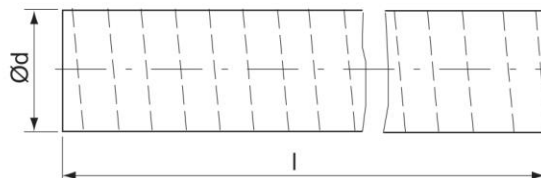
Uninsulated flexible duct

Ống gió mềm không bảo ôn 2 lớp

UFD2



Dimensions / Kích thước



Ød nom	O mm	A mm ²	l mm	Max. pressure Pa
80	0,251	0,005	8 000	+3000
100	0,320	0,008	8 000	+3000
125	0,399	0,013	8 000	+3000
150	0,478	0,018	8 000	+3000
200	0,638	0,032	8 000	+3000
250	0,798	0,051	8 000	+3000
300	0,990	0,078	8 000	+3000
350	1,105	0,098	8 000	+3000
400	1,28	0,129	8 000	+3000

Description / Mô tả

Multiple layer product made up of aluminium/PET laminate and metalized polyester formed into a flexible duct supported by a steel coated wire helix plus black PVC outer covering.

Sản phẩm ống gió 2 lớp được sản xuất từ màng nhôm / PET hình thành ống mềm dẻo được gia cường bởi lõi thép mạ Bề mặt ngoài ống được bảo vệ bởi 1 lớp phủ PVC màu đen

Applications / Ứng dụng

Ideal for low to high pressure air conditioning and ventilation systems.

Sử dụng trong hệ thống điều hòa và thông gió đòi hỏi áp suất gió từ thấp đến cao.

Technical data / Thông số kỹ thuật

Duct materials.....	Aluminium/PET laminate – 1 layer 70 micron black PVC DINP – 1 layer Steel coated bead wire
Chất liệu ống	Màng PET mạ nhôm – 1 lớp Màng PVC màu đen dày 70 micron - 1 lớp Dây thép mạ kẽm
Temperature range.....	-30 to +125 °C
Nhiệt độ làm việc	-30 to +125 °C
Maximum air velocity.....	30 m/s
Vận tốc gió tối đa	30 m/s
Packing	Nylon bag
Đóng gói	Túi nilon

Ordering example / Đặt hàng mẫu

Product / Mã sản phẩm	UFD2	100	8000	APPV
Dimension / Đường kính Ød				
Length / Chiều dài l				
Material / Chất liệu				

Advantages / Ưu điểm

- Smooth inner core.
Bề mặt trong ống mịn.
- Air tight.
Kín gió.
- High flexibility.
Tính linh hoạt cao.
- Durable materials, resists tearing and puncturing.
Vật liệu có độ bền cao, chống rách và thủng
- Keeps friction to a minimum.
Giữ ma sát ở mức tối thiểu.
- Energy efficient.
Hiệu quả năng lượng.
- Makes for easy installation.
Dễ dàng lắp đặt.
- Maintains shape when extended.
Duy trì hình dạng khi mở rộng.

Glasswool insulated flexible duct

GIFD

Ống gió mềm có bảo ôn bông thủy tinh



Dimensions / Kích thước



Description / Mô tả

Multiple layer inner core insulated with fibreglass, covered by a multiple layer outer jacket.

Lõi ống gió được sản xuất từ 1 hay nhiều lớp màng nhôm PET gia cường với dây thép mạ và được bảo ôn bằng bông thủy tinh. Mặt ngoài được bảo vệ với màng nhôm PET

Technical data / Thông số kỹ thuật

Duct materials:

inner wall (core).....	Single layers aluminium/ polyester supported by a steel coated wire helix
insulation.....	25 mm fibreglass Density: 24 / 28 / 32kg/m ³
outer wall (jacket).....	Multiple layers aluminium/ polyester

Chất liệu ống:

Lõi ống (core).....	1 lớp màng nhôm / PET được gia cường bởi lõi thép mạ kẽm
Lớp bảo ôn	Bông thủy tinh dày 25mm Tỷ trọng 24 / 28 / 32kg/m ³
Vỏ ngoài (jacket).....	Màng nhôm polyester được gia cường lưới sợi thủy tinh

Temperature range	-30 to +125 °C
Nhiệt độ làm việc	-30 to +125 °C
Standard length.....	8m, other lengths on request
Chiều dài tiêu chuẩn	8m, hoặc theo yêu cầu
Packing	Nilon bag
Đóng gói	Túi nilon

Ordering example / Đặt hàng mẫu

	GIFD	100	8000	AP
Product / Mã sản phẩm				
Dimension / Đường kính Ød				
Length / Chiều dài l				
Material / Chất liệu				

Ød nom	O mm	A mm ²	l mm	Max. pressure Pa
80*	0,251	0,005	8000	+3000
100	0,320	0,008	8000	+3000
125	0,399	0,013	8000	+3000
150	0,478	0,018	8000	+3000
200	0,638	0,032	8000	+3000
250	0,798	0,051	8 000	+3000
300	0,990	0,078	8 000	+3000
350	1,105	0,098	8 000	+3000
400	1,28	0,129	8 000	+3000

Polyester insulated flexible duct

PIFD

Ống gió mềm có bảo ôn bằng Polyester



Dimensions / Kích thước



Description / Mô tả

Multiple layer inner core insulated with fibreglass, covered by a multiple layer outer jacket.

Lõi ống gió được sản xuất từ 1 hay nhiều lớp màng nhôm PET gia cường với dây thép mạ và được bảo ôn bằng bông Polyester. Mặt ngoài được bảo vệ với màng nhôm PET

Technical data / Thông số kỹ thuật

Duct materials:

inner wall (core).....	Single layers aluminium/ polyester supported by a steel coated wire helix
insulation.....	25 mm Polyester fiber Density: 24 / 28 / 32kg/m ³
outer wall (jacket).....	Multiple layers aluminium/ polyester

Chất liệu ống:

Lõi ống (core).....	1 lớp màng nhôm / PET được gia cường bởi lõi thép mạ kẽm
Lớp bảo ôn.....	Bông thủy tinh dày 25mm Tỷ trọng 24 / 28 / 32kg/m ³
Vỏ ngoài (jacket).....	Màng nhôm polyester được gia cường lưới sợi thủy tinh

Temperature range	-30 to +125 °C
Nhiệt độ làm việc	-30 to +125 °C
Standard length.....	8m, other lengths on request
Chiều dài tiêu chuẩn	8m, hoặc theo yêu cầu
Packing	Nilon bag
Đóng gói	Túi nilon

Ordering example / Đặt hàng mẫu

	PIFD	100	8000	AP
Product / Mã sản phẩm				
Dimension / Đường kính Ød				
Length / Chiều dài l				
Material / Chất liệu				

Ød nom	O mm	A mm ²	l mm	Max. pressure Pa
80*	0,251	0,005	8000	+3000
100	0,320	0,008	8000	+3000
125	0,399	0,013	8000	+3000
150	0,478	0,018	8000	+3000
200	0,638	0,032	8000	+3000
250	0,798	0,051	8 000	+3000
300	0,990	0,078	8 000	+3000
350	1,105	0,098	8 000	+3000
400	1,28	0,129	8 000	+3000



Flexible ducts and semiflexible ducts

Ống gió mềm và ống nhôm nhún

Technical data / Thông số kỹ thuật

Noise attenuation curves

Biểu đồ đường cong giảm ồn

The charts show noise levels for noise and heat insulated duct, depending on the section length:

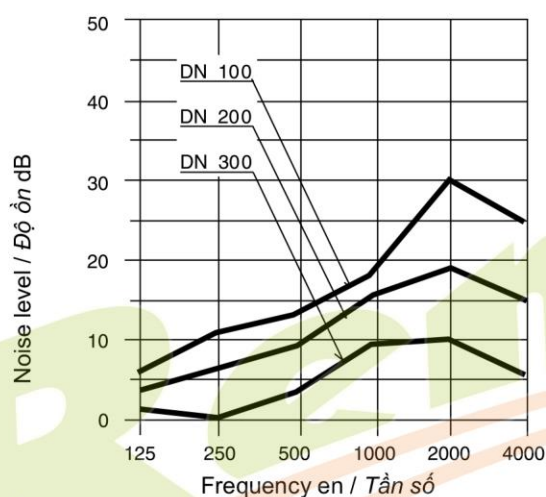
500mm, 1000mm and 1500mm at a noise insulation thickness of approx. 25mm.

Biểu đồ thể hiện độ ồn cho ống gió mềm có bảo ôn, mức độ giảm ồn phụ thuộc vào chiều dài của ống.

500mm, 1000mm và 1500mm ở chiều dày cách âm, bảo ôn xấp xỉ 25mm.

Figure 1: noise level for Insulated flexible duct

Hình 1: Độ giảm ồn ống gió mềm có bảo ôn



Noise insulation thickness 25 mm
 Duct section length 500 mm
 Chiều dày lớp bảo ôn 25 mm
 Chiều dài ống 500 mm

Figure 2: noise level for Insulated flexible duct

Hình 2: Độ giảm ồn ống gió mềm có bảo ôn

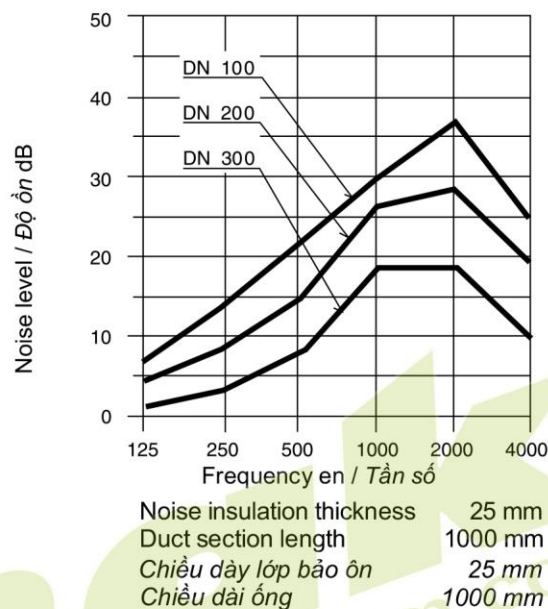
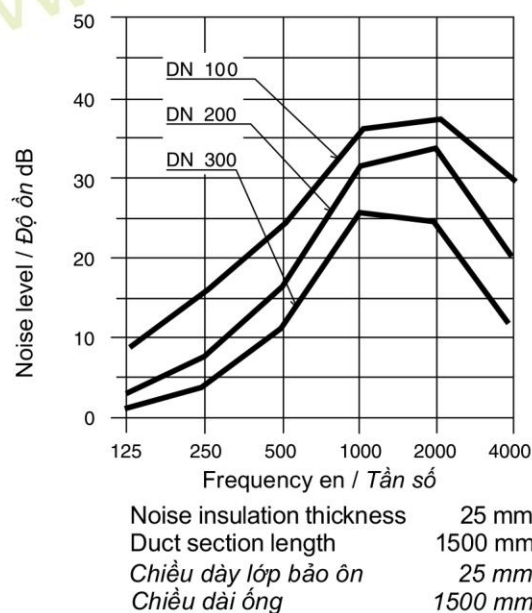


Figure 3: noise level for Insulated flexible duct

Hình 3: Độ giảm ồn ống gió mềm có bảo ôn



Flexible duct clamp

Đai xiết ống gió

FDC



Dimensions / Kích thước

Ød nom
60 – 110
60 – 135
60 – 165
60 – 215
60 – 270
60 – 325
60 – 425
60 – 575
60 – 525

Description / Mô tả

A metal clamp for all types of flexible ducting. The clamp consists of the band FDB and the flip-up band lock FDBL. This system allows an easy and quick application thanks to the automatic locking that forms the right diameter of the duct.

Đai xiết ống gió là phụ kiện dùng được cho hầu hết các loại ống gió mềm. Hệ thống này cho phép lắp đặt dễ dàng và nhanh chóng và vừa khít với ống gió.

Advantages / Ưu điểm

Labour saving.

Tiết kiệm nhân lực.

The band has lifted edges to avoid damage to the ducting.

Mặt đai xiết được làm nhẵn để tránh làm hỏng ống gió

Technical data / Thông số kỹ thuật

Band width	12.7 mm
Chiều rộng đai xiết	12.7 mm
Band and lock material	Stainless steel AISI 430
Chất liệu đai và khóa xiết ...	Thép mạ AISI 430
Screw material	Galvanized steel
Chất liệu vít	Thép mạ kẽm
Screw head	Hex Head 7 mm A/F
Đầu vít	Đầu lục giác 7 mm A/F

Ordering example / Đặt hàng mẫu

	FDC	135	SS
Product / Sản phẩm			
Dimension / Đường kính Ød			
Material / Chất liệu			

